

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 07- 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thảo My

2. Bà Vũ Thị Ngọc Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền và ông Ma Ngọc Biền, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 10/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 24/10/2023 đối với bị cáo:

Thào Á T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/7/1990; Nơi thường trú: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Đạo tin lành; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đại biểu Hội đồng nhân dân xã B khóa XX, nhiệm kỳ 2021- 2026, (ngày 03/08/2023 Hội đồng nhân dân xã B ra quyết định số 04/QĐ-HĐND về việc tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ Đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã); Họ tên bố: Thào Á N (tên gọi khác: Thào Á N1), sinh năm 1933 (Đã chết); Họ tên mẹ: Sùng Thị D, sinh năm 1940; Anh, chị em ruột: Có 09 người, bị cáo là thứ tám; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ninh Hải Nam - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa).

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang do ông Ma Công T1, chức vụ: Chủ tịch UBND xã B làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị L, chức vụ: Công chức địa chính nông lâm nghiệp UBND xã B (có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Thảo Văn D1, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1983 ông Thảo Á N (tên gọi khác: Thảo Á N1), sinh năm 1933 bố của Thảo Á T, sinh năm 1990, cư trú tại thôn N, xã B, huyện L được UBND xã B, huyện C (nay là huyện L) cấp sổ lâm bạ số 26, lập ngày 14/01/1983. Năm 1993, ông N gửi đơn xin được cấp quyền sử dụng đất tại khu vực rừng K, thôn P, xã B, nhưng chưa được UBND xã B phê duyệt. Từ năm 2000 sau khi ông N chết, thì T được anh trai là ông Thảo Văn D1, sinh năm 1972, cư trú cùng thôn chia cho một phần diện tích rừng tại khu vực K. Đến giữa tháng 02/2023, T thấy khu vực này chỉ có các loại thực vật không có giá trị, nên nảy sinh ý định chặt, phát diện tích rừng để trồng cây lâm nghiệp và trồng Sắn có giá trị kinh tế cao hơn. Khoảng đầu tháng 3 năm 2023 T một mình dùng 01 dao quắm dài 38cm phát các bụi, dây leo, nứa và chặt các cây thân gỗ, khoảng một tuần thì xong và dự định để khô mới đốt. Ngày 19/3/2023 Tổ công tác Trạm kiểm lâm và UBND xã B tuần tra, phát hiện diện tích rừng trên bị chặt phá trái phép, nên trình báo Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình.

Quá trình điều tra, xác định: Diện tích rừng Thảo Á T hủy hoại tại vị trí lô 2, lô 5 khoảnh 5B chức năng rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên (HG1), theo bản đồ phân ba loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 1859 ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang, thuộc khu vực K thôn P, xã B, huyện L do UBND xã B quản lý. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại $5.230m^2$, lâm sản bị thiệt hại $10,506m^3$ gỗ (từ nhóm IV đến VIII), $0,962m^3$ củi và 32 bụi nứa tổng số 896 cây (trung bình đường kính 03cm, chiều dài 5m).

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐGTS ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Bình, kết luận: $10,506m^3$ gỗ có giá trị 20.032.000 đồng; $0,962m^3$ củi có giá trị 726.200 đồng; 896 cây nứa có giá trị 3.584.000 đồng. Tổng giá trị là 24.342.200 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

* **Về vật chứng:** Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 dao quắm. Đối với $10,506m^3$ gỗ, $0,962m^3$ củi và 896 cây nứa đã tạm giao cho UBND xã B quản lý theo quy định.

* **Về dân sự:** UBND xã B yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả với tổng số tiền 1.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình.

Cáo trạng số 14/CT-VKSLB ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Thảo Á T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Thào Á T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Thào Á T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật Dân sự, Buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước (do UBND xã B làm đại diện) tổng giá trị lâm sản bị cáo gây thiệt hại là 24.342.200 đồng, trừ đi số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo đã nộp tại các Biên lai số 0000592 ngày 21/9/2023 và Biên lai số 0000551 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình; bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 22.342.200 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 dao quắm của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 10/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình).

Giao khối lượng 10,506m³ gỗ, 0,962m³ củi và 896 cây nứa tại hiện trường cho UBND xã B, huyện L để quản lý, xử lý theo quy định *(theo biên bản bàn giao ngày 21/3/2023 lập giữa Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình và UBND xã B)*.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo (với lý do là dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí) và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 *(Bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xác nhận của UBND xã B; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo)* Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Thào Á T mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định. Về trách nhiệm dân sự, không buộc bị cáo phải bồi thường. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo với lý do là bị cáo dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo; về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giao lại cho UBND xã B quản lý, xử lý theo quy định số lượng 10,506m³ gỗ, 0,962m³ củi và 896 cây nứa.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khai báo thêm tình tiết mới, phù hợp với lời khai đã trình bày tại Cơ quan điều tra và không có yêu cầu đề nghị gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có ý kiến tranh luận với luận tội, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí về sự vắng mặt của họ, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xử vắng mặt đối với người tham gia tố tụng này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng đầu tháng 3/2023, Thào Á T, sinh năm 1990; cư trú tại thôn N, xã B có hành vi hủy hoại rừng với tổng diện tích 5.230m² tại lô 2, lô 5 khoảnh 5B chức năng rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên (HG1), theo bản đồ phân ba loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 1859 ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang, thuộc khu vực K thôn P, xã B, huyện L do UBND xã B quản lý, lâm sản gỗ và lâm sản ngoài gỗ bị thiệt hại gồm: 10,506m³ gỗ, 0,962m³ củi và 896 cây nứa có tổng giá trị 24.342.200 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng). Như vậy, đủ cơ sở xác định bị cáo Thào Á T đã phạm tội *Hủy hoại rừng* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức được việc chặt phá rừng chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hậu quả đã gây thiệt hại đến môi trường sinh thái tự nhiên và vi phạm pháp luật của nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, mục đích chặt phá rừng là nhằm phát triển kinh tế gia đình và một phần nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo là do thiếu hiểu biết về pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi hủy hoại rừng, bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên đã tự nguyện nộp tổng số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình để bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xác nhận của UBND xã B; tại phiên tòa đại diện của Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Hành vi chặt phá rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng của nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường. Xét cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tính răn đe và làm gương phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng để bị cáo thành công dân tốt. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65, xử bị cáo hình phạt tù có điều kiện như đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo hủy hoại rừng với tổng giá trị thiệt hại 24.342.200 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự và người bào chữa không yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng xét bị cáo gây thiệt hại đối với tài sản của Nhà nước nên cần căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường. Ghi nhận bị cáo đã nộp 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình theo Biên lai số 0000592 ngày 21/9/2023 và Biên lai số 0000551 ngày 07/11/2023, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 22.342.200 đồng cho Nhà nước (do UBND xã B làm đại diện).

[6] Về vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 dao găm của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội có chiều dài 38cm, chuôi dao bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao dài 28cm, rộng 04cm, loại dao cũ đã qua sử dụng; Giao khối lượng 10,506m³ gỗ, 0,962m³ củi và 896 cây nứa tại hiện trường cho UBND xã B, huyện L để quản lý, xử lý theo quy định.

[7] Các vấn đề khác: Đối với ông Thào Văn D1 cho rằng đất rừng là của gia đình, có nguồn gốc từ đời bố để lại nên đã chia cho bị cáo T quản lý, D1 không có hành vi xúi giục, bàn bạc gì với bị cáo về việc phạm tội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét xử lý đối với D1.

[8] Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định (với lý do là dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí). Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 106, các Điều 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Thào Á T** phạm tội "Hủy hoại rừng".

Xử phạt bị cáo Thào Á T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/11/2023).

Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Thào Á T có nghĩa vụ bồi thường cho Nhà nước (do UBND xã B làm đại diện) số tiền 24.342.200 đồng, được trừ đi số tiền đã nộp 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình theo các Biên lai số 0000592 ngày 21/9/2023 và Biên lai số 0000551 ngày 07/11/2023, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 22.342.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 dao quắm của bị cáo có chiều dài 38cm, chuôi dao bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao dài 28cm, rộng 04cm, loại dao cũ đã qua sử dụng. *(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 10/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình).*

Giao khối lượng 10,506m³ gỗ, 0,962m³ củi và 896 cây nứa tại hiện trường cho UBND xã B, huyện L để quản lý, xử lý theo quy định *(theo biên bản bàn giao ngày 21/3/2023 lập giữa Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình và UBND xã B).*

Về án phí: Bị cáo Thảo Á T được miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.117.110 đồng (một triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm mười đồng); tổng cộng là 1.317.110 đồng (một triệu ba trăm mười bảy nghìn một trăm mười đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/11/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Lâm Bình;
- CQTHAHS CA huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Bộ phận HSNV CA huyện Lâm Bình;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Tiến

